

CHÍNH PHỦ
Số: 70/2007/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Về đăng ký quốc tịch và đăng ký các
quyền đối với tàu bay dân dụng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về trình tự, thủ tục đăng ký, xóa đăng ký quốc tịch tàu bay, các quyền đối với tàu bay, quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay Việt Nam; đăng ký văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm bằng tàu bay; cung cấp thông tin trong Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam; việc sơn, gắn dấu hiệu đăng ký và dấu hiệu quốc tịch đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm:

- Tổ chức, cá nhân Việt Nam sở hữu và khai thác tàu bay;
- Tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê tàu bay không có tổ bay hoặc thuê mua tàu bay dân dụng thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài;
- Tổ chức, cá nhân có các quyền đối với tàu bay Việt Nam;
- Tổ chức, cá nhân thực hiện việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay Việt Nam;

đ) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm hiểu thông tin trong Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "**Người đăng ký**" là tổ chức, cá nhân được ghi tên trong các loại Giấy chứng nhận đăng ký.

2. "**Người đề nghị đăng ký**" là tổ chức, cá nhân làm đơn và nộp hồ sơ đề nghị đăng ký. Tùy từng trường hợp, người đề nghị đăng ký bao gồm:

- a) Chủ sở hữu tàu bay, người thuê tàu bay đối với đăng ký quốc tịch tàu bay;
- b) Bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm đối với đăng ký giao dịch bảo đảm bằng tàu bay;
- c) Người thuê tàu bay đối với đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay;
- d) Bên nhận bảo đảm đã được đăng ký quyền đối với tàu bay trong Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam đối với đăng ký văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm bằng tàu bay;
- đ) Người đăng ký đối với các trường hợp gia hạn đăng ký, đăng ký thay đổi hoặc sửa chữa sai sót nội dung đã đăng ký;
- e) Tổ chức, cá nhân cứu hộ, giữ gìn tàu bay;
- g) Người được ủy quyền của những người nói trên.

3. "**Người đề nghị xóa đăng ký**" là tổ chức, cá nhân làm đơn và nộp hồ sơ đề nghị xóa đăng ký, bao gồm:

- a) Người đăng ký đối với đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay;
- b) Bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm đối với đăng ký giao dịch bảo đảm bằng tàu bay;
- c) Người được ủy quyền của những người nói trên.

4. "**Người đề nghị cung cấp thông tin**" là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có đơn đề nghị cung cấp thông tin trong Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam.

5. "**Người đề nghị**" là những người được quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này.

6. “**Giao dịch bảo đảm bằng tàu bay**” là việc cầm cố, thế chấp, bảo lãnh bằng tàu bay.

Điều 3. Trách nhiệm của người đề nghị

1. Người đề nghị phải gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về các thông tin trong hồ sơ.
2. Người đề nghị phải nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.
3. Trừ đơn đề nghị và biên lai hoặc giấy tờ xác nhận việc nộp phí, lệ phí phải là bản gốc, các tài liệu khác trong hồ sơ đề nghị có thể là bản gốc hoặc bản sao; nếu là tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt. Bản sao hoặc bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp người đề nghị phát hiện trong đơn đề nghị hoặc giấy chứng nhận được cấp theo Nghị định này có sai sót thì phải đề nghị Cục Hàng không Việt Nam sửa chữa sai sót. Hồ sơ đề nghị sửa chữa sai sót được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định này.

Điều 4. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý

1. Trường hợp người đề nghị là cá nhân thì giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý bao gồm một trong các tài liệu sau đây:
 - a) Chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu đối với công dân Việt Nam;
 - b) Giấy tờ để xác định nhân thân đối với cá nhân không quốc tịch cư trú, định cư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam;
 - c) Hộ chiếu hoặc giấy tờ để xác định nhân thân đối với cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật nước mà cá nhân đó mang quốc tịch.
2. Trường hợp người đề nghị là tổ chức thì giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý bao gồm một trong các tài liệu sau đây:
 - a) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức kinh tế, quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động đối với tổ chức phi kinh tế được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
 - b) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý đối với tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài có liên quan.

3. Người được ủy quyền phải có giấy ủy quyền hợp pháp.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện đăng ký

1. Cục Hàng không Việt Nam là cơ quan trực thuộc Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký, xóa đăng ký quốc tịch tàu bay và các quyền đối với tàu bay, quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay Việt Nam; đăng ký văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm bằng tàu bay; cung cấp thông tin trong Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và đánh giá nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị để quyết định việc đăng ký, xóa đăng ký hoặc cung cấp thông tin. Trong quá trình kiểm tra và đánh giá hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có thể yêu cầu người đề nghị cung cấp các thông tin hoặc tài liệu để làm rõ các vấn đề liên quan.

3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc đăng ký, xóa đăng ký hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản nếu đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Hồ sơ có đầy đủ tài liệu theo quy định tại Nghị định này;

b) Thông tin trong hồ sơ đúng sự thật;

c) Tàu bay đáp ứng các điều kiện đăng ký theo quy định tại Nghị định này.

4. Trong trường hợp từ chối thực hiện việc đăng ký, xóa đăng ký hoặc cung cấp thông tin, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị biết và nêu rõ lý do.

5. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm ghi các thông tin liên quan đến đăng ký, xóa đăng ký quốc tịch tàu bay và các quyền đối với tàu bay, quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay Việt Nam; đăng ký văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm bằng tàu bay vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam.

Chương II

ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH TÀU BAY

Mục 1

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ

Điều 6. Điều kiện đăng ký quốc tịch tàu bay đối với tàu bay thuê và đăng ký tạm thời quốc tịch tàu bay

1. Tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân nước ngoài do các tổ chức, cá nhân Việt Nam thuê không có tổ bay hoặc thuê mua được đăng ký quốc tịch Việt Nam nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam. Trường hợp thuê mua, thuê không có tổ bay với thời hạn thuê từ 24 tháng trở lên thì tàu bay phải được đăng ký mang quốc tịch Việt Nam chậm nhất là 6 tháng, kể từ ngày đưa vào khai thác tại Việt Nam.

2. Tàu bay đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam được tạm thời đăng ký mang quốc tịch Việt Nam.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay

1. Hồ sơ đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay đối với tàu bay quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 13 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam bao gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay, bao gồm các thông tin: họ tên, địa chỉ, số điện thoại của người đề nghị đăng ký, người đăng ký; loại tàu bay, số xuất xưởng, trọng lượng cất cánh tối đa, tên nhà sản xuất, năm sản xuất; loại, số lượng và số hiệu động cơ của tàu bay được đề nghị đăng ký;

b) Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký, người đăng ký tàu bay;

c) Giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay;

d) Giấy chứng nhận chưa có đăng ký do quốc gia nhà chế tạo cấp hoặc giấy chứng nhận đã xoá đăng ký do quốc gia đăng ký cấp;

đ) Tài liệu về tình trạng kỹ thuật của tàu bay, bao gồm: Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu còn hiệu lực đối với tàu bay được sản xuất tại nước ngoài, Giấy chứng nhận loại do Cục Hàng không Việt Nam cấp hoặc công nhận, văn bản xác nhận của nhà chế tạo về tuân thủ các điều kiện thiết kế, chế tạo còn hiệu lực;

e) Hợp đồng mua tàu bay, thuê tàu bay, thuê mua tàu bay (nếu có);

g) Biên lai hoặc giấy tờ xác nhận về việc nộp lệ phí.